

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/HS-ST**
Ngày 27-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh; Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 8 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 01 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 21 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T**, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không.

Sinh, trú quán: Thôn T, xã Q, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hoá: 7 /12; Đảng, đoàn thể: Không.

Con ông: Lương Văn Tiến, sinh năm 1957.

Con bà: Lương Thị Nhàn , sinh năm 1959.

Vợ: Trương Thị Thủy, sinh năm 1983 (đã ly hôn).

Con : Có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2011.

Anh chị em ruột: Có 03 anh em, bản thân là con thứ hai.

Nhân thân:

+ Ngày 21/5/2017 bị UBND xã Q, huyện L Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Tiền án: Có 02 tiền án

+ Ngày 13/9/2017 Lương Văn T có hành vi trộm tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 1.400.000 đồng. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33 điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Lương Văn T 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/9/2017. Ngày 14/6/2018 T chấp hành xong hình phạt tù về địa pH. Ngày 30/7/2018 T đã chấp hành xong phần án phí.

+ Ngày 12/4/2019 T có hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô), trị giá 9.250.000 đồng. Tại bản án hình sự số 39/2019/HSPT ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lương Văn T 01 năm 6 tháng tù giam, thời hạn tính từ ngày tạm giam 12/4/2019 và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16/9/2019 T chấp hành xong tiền án phí, ngày 12/10/2020 T chấp hành xong hình phạt tù về địa pH. Tính đến ngày phạm tội này Lương Văn T chưa được xóa án tích.

Tiền sự : Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 24/10/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn A, sinh năm 1971. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đinh Văn PH, sinh năm 1983. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1985. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lương Văn T là người đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Trong khoảng thời gian tháng 10/2021, T đã 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ngôi nhà đang xây dựng ở thôn T, xã Q, huyện L của đình anh Phạm Văn A, sinh năm 1971. Trú quán: Thôn T, xã T, huyện L rồi mang đến điểm thu mua phế liệu ở thôn T, xã T, huyện L, cách vị trí trộm cắp khoảng 200m, bán cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, có hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là chủ điểm thu mua phế liệu) để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 5 giờ sáng một ngày đầu tháng 10/2021, Lương Văn T đi bộ từ nhà đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T quan sát xung quanh không thấy có người trông coi, T đi vòng ra phía sau nhà phát hiện thấy 01 (một) bộ giàn giáo bằng sắt, bị gãy gập một chân. T đã tháo bộ giàn giáo ra xếp lại sau đó vác đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C bán cho anh C với giá 9.000đ /1kg, anh C trả cho T tổng số tiền 200.000 đồng. T sử dụng số tiền trên mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 2: Cách ngày trộm cắp lần thứ nhất khoảng 02 (hai) ngày, vào khoảng 18 giờ, T tiếp tục đi bộ đến ngôi nhà đang xây của gia đình anh Phạm Văn A, mục đích để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nơi, quan sát không có người trông coi, T tìm xung quanh phát hiện thấy có 01 tấm kim loại sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3)cm (thường dùng để ép cốt pha đổ mái), có trọng lượng khoảng 20 kg để ở hiên nhà, T đã trộm cắp tấm sắt trên mang đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C bán cho chị Nguyễn Thị H (là vợ anh C) với giá 9.000đ /1 kg, chị H trả cho T tổng số tiền 200.000 đồng. Số tiền trên T đã dùng mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 3: Cách ngày trộm cắp lần thứ hai khoảng 03 (ba) ngày. Vào khoảng 18 giờ một ngày giữa tháng 10/2021, T một đi bộ từ nhà đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, phát hiện

thấy có 01 tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm (giống với tấm kim loại đã trộm cắp lần thứ 2) ở hiên nhà. T đã trộm cắp tấm sắt trên mang đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C, bán cho chị Nguyễn Thị H (là vợ anh C) với giá 9.000đ/1kg, chị H trả cho T số tiền 200.000 đồng. Số tiền này T đã dùng mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 4: Cách ngày trộm cắp lần thứ ba khoảng 03 (ba) ngày. Vào khoảng 18 giờ một ngày giữa tháng 10 năm 2021, T tiếp tục đi bộ đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, quan sát không có người trông coi, T đã trộm cắp 01 tấm sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm (giống với tấm kim loại đã trộm cắp lần thứ 2,3) để ở hiên nhà. Sau đó T mang tấm sắt trên đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C bán cho chị Nguyễn Thị H với giá 9.000đ /1 kg, được chị H trả số tiền 200.000 đồng. T đã dùng số tiền trên đi mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 5: Cách ngày trộm cắp lần thứ tư khoảng 03 (ba) ngày. Vào khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 10 năm 2021, T đi bộ từ nhà đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, quan sát không có người trông coi, T đi vào bên trong nhà, phát hiện thấy có 01 (một) bộ giàn giáo bằng kim loại sắt. T đã trộm cắp bộ giàn giáo trên mang đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C bán cho chị Nguyễn Thị H với giá 9.000đ /1 kg. Chị H trả cho T số tiền 200.000 đồng. T dùng số tiền trên đi mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 6: Cách ngày trộm cắp lần thứ năm khoảng 02 (hai) ngày. Khoảng 5 giờ sáng một ngày cuối tháng 10 năm 2021, T đi bộ từ nhà, đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, quan sát thấy không có người trông coi, T đi vào phía trong nhà phát hiện 01 (một) bộ giàn giáo bằng kim loại sắt, T đã trộm cắp bộ giàn giáo nêu trên rồi mang đến điểm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn C bán cho anh C với giá 9.000đ/1 kg, được anh C trả cho số tiền 200.000 đồng. Số tiền này T dùng mua ma túy sử dụng hết.

Lần thứ 7: Cách ngày trộm cắp lần thứ sáu khoảng 03 (ba) ngày. Vào khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 10 năm 2021, T đi bộ từ nhà đến ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh Phạm Văn A ở thôn Tư Một, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, quan sát không có người trông coi, T đi tìm phát hiện thấy ở trước cửa nhà có 01 (một) cuộn dây điện dài 20m, loại dây đôi 2,5 mm, bọc vỏ nhựa màu vàng, do công ty Thiên Phú sản xuất. T đã trộm cắp cuộn dây điện nêu trên mang đến điểm thu mua phế liệu của

gia đình anh Nguyễn Văn C bán cho anh C được số tiền 100.000 đồng. Số tiền này T dùng đi mua ma túy sử dụng hết.

Ngày 24/10/2021 anh Phạm Văn A đến Công an huyện Lục Ngạn trình báo về việc mất trộm số tài sản gồm: 03 giàn giáo, 01 cuộn dây điện và 03 tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm, dùng để ép cốt pha đổ mái, 03 (ba) tấm kim loại bằng sắt, có kích thước (4 x 0,4)m (thường dùng để ghép đổ cột bê tông). Đến 14 giờ ngày 24/10/2021 Lương Văn T đến Công an huyện Lục Ngạn đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản tại ngôi nhà đang xây dựng của gia đình anh A ở thôn T, xã Q, huyện L.

Ngày 24/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án. Quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Ngày 24/10/2021 anh Nguyễn Văn C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01(một) cuộn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng, loại dây điện đôi mềm, nhãn hiệu Thiên Phú 2,5mm, hai lõi bằng đồng, dài 20 m, nặng 3 kg, trên thân dây điện có in chữ 750V, 70 C “ CONG NGHIỆP HA NOI”.

Ngày 25/10/2021 và ngày 05/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn, định giá 03 bộ giàn giáo bằng sắt, 03 tấm kim loại, kích thước (4 x 0,4)m để dùng ghép đổ cột bê tông bằng sắt; 20 m dây điện có vỏ bọc ngoài nhựa vàng, loại dây đôi 2,5 mm, do công ty Thiên Phú, sản xuất và 03 (ba) tấm kim loại bằng sắt, sử dụng trong xây dựng, dùng để ép cốt pha đổ mái, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm. Tại kết luận định giá tài sản số 148 ngày 27/10/2021 và số 152 ngày 08/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: “03 (ba) bộ giàn giáo bằng sắt tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 1.200.000 đồng; 03 (ba) tấm kim loại để dùng ghép đổ cột bê tông bằng sắt, kích thước (4 x 0,4)m, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá: 2.250.000 đồng; 20 (hai mươi) mét dây điện có vỏ bọc ngoài nhựa vàng, loại dây đôi 2,5 mm, do Công ty Thiên Phú sản xuất có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 150.000 đồng; 03 (ba) tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm, dùng để ép cốt pha đổ mái, có trọng lượng 20 kg/tấm. Tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với 03 bộ giàn giáo và 03 tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm, dùng để ép cốt pha đổ mái sau khi mua của T, anh C và chị H đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án người bị hại anh Phạm Văn A và anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H là những người liên quan trong vụ án không có yêu cầu bồi thường gì.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01(một) cuộn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng, loại dây điện đôi mềm, nhãn hiệu Thiên Phú 2,5mm, hai lõi bằng đồng, dài 20 m, nặng 3 kg do Việt Nam sản xuất, trên thân dây điện có in chữ 750V,70C “CONGNGHIỆP-HANOI” đã thu giữ, được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án huyện Lục Ngạn để bảo quản, xử lý theo quy định.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Hội đồng xét xử công bố lời khai có trong hồ sơ vụ án của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lương Văn T từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận được tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cuộn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng, loại dây điện đôi mềm, nhãn hiệu Thiên Phú 2,5mm, hai lõi bằng đồng, dài 20 m, nặng 3 kg do Việt Nam sản xuất, trên thân dây điện có in chữ 750V,70C “CONGNGHIỆP-HANOI”.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận bị cáo Lương Văn T trình bày nhất trí đối với phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác đối với bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với tang vật, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Lương Văn T là người đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Trong khoảng thời gian tháng 10 năm 2021, T đã 07 lần đến ngôi nhà của gia đình anh Phạm Văn A đang xây dựng ở thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang trộm cắp số tài sản gồm: 03 (ba) bộ giàn giáo bằng kim loại sắt, 03 (ba) tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm (thường dùng để ép cốt pha đổ mái) và 01 cuộn dây điện màu vàng, dài 20 m, loại dây đôi 2,5mm. Tổng số tài sản T trộm cắp có giá trị là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tổng của 7 lần chưa đến 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng vì bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tại phiên tòa đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhiều lần để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt nghiêm khắc theo quy định của Bộ luật Hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đã bị kết án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (7 lần) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Qua đA giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Cần thiết phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù là cao. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mặc dù bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt của 7 lần là không lớn. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phù hợp với mức độ thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản giá trị nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn A, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường và không yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không đề nghị giải quyết là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Những vấn đề khác:

- Quá trình điều tra anh Phạm Văn A khai ngoài bị mất số tài sản gồm 03 giàn giáo, 01 cuộn dây điện và 03 tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm, dùng để ép cốt pha đổ mái, anh còn bị mất số tài sản là 03 (ba) tấm kim

loại bằng sắt, có kích thước (4 x0,4) m (thường dùng để ghép đỡ cột bê tông). Quá trình điều tra Lương Văn T không thừa nhận được trộm cắp 03 tấm kim loại bằng sắt, có kích thước (4 x0,4) m. Ngoài lời khai của anh C không còn chứng cứ nào khác xác định Lương Văn T đã trộm cắp 03 tấm kim loại này và chưa xác định được ai là người trộm cắp số tài sản này. Do đó cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ xử lý sau là có căn cứ.

- Đối với anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H là những người đã mua số tài sản do T trộm cắp của gia đình anh A nêu trên. Quá trình điều tra xác định cả anh C và chị H khi mua đều không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người này là có căn cứ.

- Quá trình điều tra Lương Văn T khai toàn bộ số tiền T bán tài sản trộm cắp được đều mang đến gia đình Đinh Văn PH vợ là Hoàng Thị N, để mua ma túy sử dụng. Căn cứ vào lời khai của Lương Văn T, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đinh Văn PH và Hoàng Thị N. Quá trình khám xét đã thu được được chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy tại phòng ngủ và một số đồ vật, tài liệu liên quan đến việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại cơ quan điều tra Đinh Văn PH và Hoàng Thị N đều không thừa nhận bán ma túy cho Lương Văn T, cơ quan điều tra đã tiến hành cho T đối chất với PH, N, kết quả các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của T, không có tài liệu nào phản A PH, N đã bán ma túy cho T do đó không có căn cứ để xử lý đối với PH và N về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lương Văn T. Đối với số ma túy đã thu giữ ở phòng ngủ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Văn PH, Hoàng Thị N, bản thân PH và N đều xác định không phải là ma túy của mình. Ngày 10/11/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự và tách ra để điều tra, xử lý bằng một vụ án khác. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Văn T, ngày 07/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã có công văn đề nghị Công an huyện Lục Ngạn xử lý bằng biện pháp hành chính.

- Đối với 03 bộ giàn giáo và 03 tấm kim loại bằng sắt, kích thước (150 x 110 x 0,3) cm, dùng để ép cốt pha đổ mái sau khi mua của T, anh C và chị H đã bán cho người không quen biết nên không thu hồi được.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối 01(một) cuộn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng, loại dây điện đôi mềm, nhãn hiệu Thiên Phú 2,5mm, hai lõi bằng đồng, dài 20 m, nặng 3 kg do Việt Nam sản xuất, trên thân dây điện có in chữ

750V,70C “CONGNGHIỆP-HANOI” là tài sản của anh Phạm Văn A, anh A không có đề nghị xin lại tài sản, tài sản này là tài sản còn ít giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với vật chứng này tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/10/2021. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01(một) cuộn dây điện có vỏ ngoài bằng nhựa màu vàng, loại dây điện đôi mềm, nhãn hiệu Thiên Phú 2,5mm, hai lõi bằng đồng, dài 20 m, nặng 3 kg do Việt Nam sản xuất, trên thân dây điện có in chữ 750V,70C “CONGNGHIỆP-HANOI”.

4. Về án phí: Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường